

Số: 29/CBTT-OTO8

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải ô tô số 8.

Mã chứng khoán: VT8.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38616711

Fax: 024 36815024

Người thực hiện công bố thông tin:

Ông: Lại Quang Huy Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số 5 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38616711

Fax: 024 36815024

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải ô tô số 8 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lại Quang Huy



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29 Hoàng Sa, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 28) 3910 4880
CN phía Bắc: LK7-TT2, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội. Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84 24) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 – 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tiền thân là Công ty Vận tải Ô tô số 8 được thành lập theo Quyết định số 1526/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Vận tải Ô tô số 8 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 và được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Đăng ký kinh doanh số 0103002535 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0100108913 ngày 15 tháng 5 năm 2012 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng nội bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lại Quang Huy	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Duyên	Ủy viên
Ông Ngô Minh Tuấn	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Đàm Nghị	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2020
Ông Thái Duy Oánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
		Miễn nhiệm ngày 01/02/2020
Ông Lại Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/3/2020
Ông Cao Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 16/7/2019
Ông Ngô Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
Bà Bùi Thị Hải Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/7/2019
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Trưởng phòng kế toán	Miễn nhiệm ngày 25/7/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) – Chi nhánh Phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Đàm Nghị

Số : 96../2020/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế
toán và Kiểm toán Nam Việt – CN Phía Bắc****Giám đốc****Bùi Thị Ngọc Lan**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên**Nguyễn Thị Nguyên Nhung**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.675.267.236	76.708.822.777
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	340.023.331	7.654.434.129
1.	Tiền	111		340.023.331	4.654.434.129
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120	V.02	-	2.700.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.700.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.514.110.700	32.129.861.869
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	52.406.561.942	6.642.802.546
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	27.672.588.099	17.094.689.244
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.434.960.659	8.392.370.079
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	126.168.041.986	32.640.792.484
1.	Hàng tồn kho	141		126.168.041.986	33.285.970.665
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(645.178.181)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.653.091.219	1.583.734.295
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	2.631.153.890	847.210.048
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.285.413.082	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	736.524.247	736.524.247
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.313.596.549	23.999.912.164
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		633.519.780	588.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	633.519.780	588.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.570.134.166	18.550.996.726
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.570.134.166	18.550.996.726
	- Nguyên giá	222		23.449.436.961	34.454.242.112
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.879.302.795)	(15.903.245.386)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.08	3.645.317.734	4.080.417.392
1.	Nguyên giá	231		7.609.056.508	7.609.056.508
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(3.963.738.774)	(3.528.639.116)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	598.311.364	675.899.235
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	750.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(151.688.636)	(74.100.765)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		38.866.313.505	104.598.811
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	38.866.313.505	104.598.811
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.988.863.785	100.708.734.941

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		213.935.466.089	21.196.367.775
I.	Nợ ngắn hạn	310		213.921.466.089	18.909.820.545
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	204.923.771.342	32.986.800
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.414.538.900	200.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	191.898.429	371.541.420
4.	Phải trả người lao động	314		-	464.530.999
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		V.13	2.697.080.830	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	570.641.559	77.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.816.333.107	3.079.945.768
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	10.000.000	14.369.363.636
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		297.201.922	314.451.922
II.	Nợ dài hạn	330		14.000.000	2.286.547.230
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	14.000.000	310.524.500
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	-	1.976.022.730
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.053.397.696	79.512.367.166
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	74.053.397.696	79.512.367.166
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.494.910.000	75.494.910.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.494.910.000	75.494.910.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		985.206.122	985.206.122
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		435.820.928	435.820.928
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.670.825.393	2.670.825.393
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.533.364.747)	(74.395.277)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(74.395.277)	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.458.969.470)	(74.395.277)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.988.863.785	100.708.734.941

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020


Bùi Thị Hải Linh


Bùi Thị Hải Linh


Tổng Giám đốc
Lê Đàm Nghị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	808.113.935.631	86.131.456.675
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		808.113.935.631	86.131.456.675
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	775.908.495.550	79.788.212.971
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.205.440.081	6.343.243.704
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.586.315.745	3.837.563.948
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.920.382.252	1.797.005.009
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.770.739.274	1.722.904.244
8.	Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết	24		-	(328.946.269)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	24.532.686.214	3.122.070.850
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	9.605.977.757	6.573.959.325
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.267.290.397)	(1.641.173.801)
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	694.648.237	1.886.022.832
13.	Chi phí khác	32	VI.06	3.601.741.669	295.728.395
14.	Lợi nhuận khác	40		(2.907.093.432)	1.590.294.437
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.174.383.829)	(50.879.364)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	284.585.641	23.515.913
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.458.969.470)	(74.395.277)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(723)	(10)
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(723)	(10)

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hải Linh

Bùi Thị Hải Linh

Lê Đàm Nghị



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(5.174.383.829)	(50.879.364)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.233.459.802	3.733.636.258
-	Các khoản dự phòng	03		(567.590.310)	719.278.946
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(1.859.519)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.622.499.392	(166.953.079)
-	Chi phí lãi vay	06		1.770.739.274	1.722.904.244
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(115.275.671)	5.956.127.486
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.715.181.693)	24.256.920.423
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92.882.071.321)	(10.595.534.595)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		209.091.734.680	2.388.781.506
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(40.545.658.536)	(363.112.724)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.770.739.274)	(1.738.126.866)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(284.585.641)	(1.356.804.834)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(17.250.000)	(1.301.617.930)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		8.760.972.544	17.246.632.466
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.080.844.548)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		9.054.545.452	76.181.819
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.700.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.700.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.450.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.800.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.586.302.120	90.771.260
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		260.003.024	(1.183.046.921)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	979.950.204
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(611.414.082)
3.	Tiền thu từ đi vay	33		31.882.000.000	33.308.340.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.217.386.366)	(40.647.703.636)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.189.309.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.335.386.366)	(14.160.136.914)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.314.410.798)	1.903.448.631
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.654.434.129	5.749.125.979
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.859.519
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		340.023.331	7.654.434.129

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Hải Linh

Bùi Thị Hải Linh

Lê Đàm Nghị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng nội bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách địa điểm kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Tên địa điểm kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Địa điểm kinh doanh số 1	Tầng 01 và 02, tòa K3, ki ốt dịch vụ thương mại, trung tâm thương mại The K-Park, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
Địa điểm kinh doanh số 2	Số nhà 68, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV Đào tạo và Phát triển số 8	Số 148, T3, tổ dân phố ô tô số 8, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2018.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 208 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

04 – 15 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

17. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	340.023.331	4.654.434.129
+ Tiền mặt	230.649.000	155.487.491
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.374.331	4.498.946.638
- Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	340.023.331	7.654.434.129

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	(151.688.636)			750.000.000
+ Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải Ô tô ^(a)	9,4	750.000.000	(151.688.636)		9,4	750.000.000
Cộng		750.000.000	(151.688.636)			750.000.000
						74.100.765
						74.100.765
						74.100.765

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp 750.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải Hà Nội tương ứng với 75.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu là 9,4%.

Thông tin về khoản đầu tư khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2019
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	Số 11, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà nội	- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, hoán cải phương tiện vận tải đường bộ. - Vận tải hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	52.406.561.942	6.642.802.546
- Công ty Cổ phần ô tô TMT	2.297.064.083	2.297.064.083
- Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	2.581.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Truyền Thông Năng Thẳng Tư	1.829.000.000	-
- Công ty CP Kinh doanh và Dịch vụ số 8	985.600.000	985.600.000
- Chi Nhánh Trần Khát Chân- Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	994.000.000	-
- Nguyễn Thị Thanh Hương	1.033.351.000	-
- Kim Xuân Tài	1.129.000.000	-
- Nguyễn Văn Quang	1.024.000.000	-
- Công ty CP Bích Thị	-	943.625.390
- Công Ty TNHH Nhung Spa Việt Nam	2.000.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	38.533.546.859	2.416.513.073
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	52.406.561.942	6.642.802.546

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	27.672.588.099	17.094.689.244
- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	10.603.798.854	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	17.045.689.245	17.045.689.244
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	23.100.000	49.000.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	27.672.588.099	17.094.689.244

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.434.960.659	-	8.392.370.079	-
- Tạm ứng	-	-	331.400.120	-
- Phải thu khác	2.434.960.659	-	8.060.969.959	-
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT	1.693.924.372	-	1.193.924.373	-
+ Bà Nguyễn Thị Thoa	-	-	6.670.240.000	-
+ Phòng kinh doanh xe CN Mazda Giải Phóng	436.363.645	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	304.672.642	-	196.805.586	-
b. Dài hạn	633.519.780	-	588.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	633.519.780	-	588.000.000	-
Cộng	3.068.480.439	-	8.980.370.079	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.160.436.417	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	622.955.447	-	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	353.168.305	-	-	-
- Hàng hoá	121.031.481.817	-	33.285.970.665	(645.178.181)
Cộng	126.168.041.986	-	33.285.970.665	(645.178.181)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
 Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.118.104.300	1.575.860.202	21.665.384.428	94.893.182	-	34.454.242.112
- Mua trong năm	10.195.161.841	2.477.673.207		226.703.000	181.306.500	13.080.844.548
- Tăng khác			-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.418.330.406)	(1.456.228.000)	(20.211.091.293)	-	-	(24.085.649.699)
- Giảm khác			-	-	-	-
Số dư cuối năm	18.894.935.735	2.597.305.409	1.454.293.135	321.596.182	181.306.500	23.449.436.961
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.566.548.922	1.005.997.017	9.235.806.265	94.893.182	-	15.903.245.386
- Khấu hao trong năm	632.999.159	225.826.842	928.733.727	5.778.210	5.022.206	1.798.360.144
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.769.021.322)	(1.023.668.011)	(9.029.613.402)	-	-	(11.822.302.735)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.430.526.759	208.155.848	1.134.926.590	100.671.392	5.022.206	5.879.302.795
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	5.551.555.378	569.863.185	12.429.578.163	-	-	18.550.996.726
2. Tại ngày cuối năm	14.464.408.976	2.389.149.561	319.366.545	220.924.790	176.284.294	17.570.134.166

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.164.527.185 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	7.609.056.508	-	-	7.609.056.508
- Nhà	7.609.056.508			7.609.056.508
II. Giá trị hao mòn lũy kế	3.528.639.116	435.099.658	-	3.963.738.774
- Nhà	3.528.639.116	435.099.658		3.963.738.774
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	4.080.417.392	-	(435.099.658)	3.645.317.734
- Nhà	4.080.417.392	-	(435.099.658)	3.645.317.734

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.273.422.230 đồng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.631.153.890	847.210.048
- Chi phí bảo hiểm	20.320.491	122.880.021
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.665.779.170	-
- Chi phí thuê mặt bằng showroom Hà Đông	270.242.310	-
- Phí bảo trì, sử dụng đường bộ	-	98.955.172
- Chi phí sửa chữa xe	-	367.135.871
- Chi phí sửa chữa nhà	-	159.253.939
- Chi phí thuê kho bãi	-	44.000.000
- Chi phí đồng phục	326.427.824	-
- Các khoản khác	348.384.095	54.985.045
b. Dài hạn	38.866.313.505	104.598.811
- Chi phí thuê showroom BMW Lê Văn Lương (*)	36.182.727.273	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.005.357.444	18.356.668
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.506.393.966	71.033.334
- Các khoản khác	171.834.822	15.208.809
Cộng	41.497.467.395	951.808.859

(*) Chi tiết thuyết minh xem VIII.03.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	14.369.363.636	14.369.363.636	31.882.000.000	46.241.363.636	10.000.000	10.000.000
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>570.000.000</i>	<i>570.000.000</i>	<i>31.877.000.000</i>	<i>32.447.000.000</i>	-	-
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Thăng Long	570.000.000	570.000.000	9.500.000.000	10.070.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	22.377.000.000	22.377.000.000	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>10.405.000.000</i>	<i>10.405.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	<i>10.400.000.000</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ Vay cá nhân	10.405.000.000	10.405.000.000	5.000.000	10.400.000.000	10.000.000	10.000.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.394.363.636</i>	<i>3.394.363.636</i>	-	<i>3.394.363.636</i>	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.394.363.636	3.394.363.636	-	3.394.363.636	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.976.022.730	1.976.022.730	-	1.976.022.730	-	-
b.1 vay dài hạn	1.976.022.730	1.976.022.730	-	1.976.022.730	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	1.976.022.730	1.976.022.730	-	1.976.022.730	-	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>1.976.022.730</i>	<i>1.976.022.730</i>	-	<i>1.976.022.730</i>	-	-
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai	1.976.022.730	1.976.022.730	-	1.976.022.730	-	-
Cộng	16.345.386.366	16.345.386.366	31.882.000.000	48.217.386.366	10.000.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
 Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP DV bảo vệ Lâm Sơn Động	-	-	32.986.800	32.986.800
- Công ty TNHH MTV Phân Phối Ô tô Du Lịch Chu Lai Trường Hải	199.553.693.054	199.553.693.054	32.986.800	32.986.800
- Chi nhánh Trần Khát Chân- Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	1.501.000.000	1.501.000.000	-	-
- Chi nhánh BMW SaLa- Công Ty Cổ Phần Ô Tô Trường Hải	1.588.000.000	1.588.000.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.281.078.288	2.281.078.288	-	-
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	204.923.771.342	204.923.771.342	32.986.800	32.986.800

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	313.922.970	4.048.298.438	4.362.221.408	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.524.247	-	284.585.641	284.585.641	736.524.247	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	57.618.450	460.923.443	326.643.464	-	191.898.429
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	11.283.688.791	11.283.688.791	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	233.694.337	233.694.337	-	-
Cộng	736.524.247	371.541.420	16.311.190.650	16.490.833.641	736.524.247	191.898.429

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.697.080.830	-
- Chi phí phải trả công nhân viên	2.080.438.698	-
- Tiền ăn ca	23.310.000	-
- Các khoản trích trước khác	593.332.132	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.697.080.830	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.816.333.107	3.079.945.768
- Kinh phí công đoàn	173.872.213	59.601.283
- Bảo hiểm xã hội	-	2.668.219
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.642.460.894	3.017.676.266
+ Công ty TNHH Máy Công trình Toàn Phát	2.650.029.384	2.544.519.077
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT	423.331.199	423.331.199
+ Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	203.617.679	-
+ Các đối tượng khác	365.482.632	49.825.990
b) Dài hạn	14.000.000	310.524.500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.000.000	310.524.500
Cộng	3.830.333.107	3.390.470.268

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
b) Ngắn hạn	570.641.559	77.000.000
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	567.636.364	77.000.000
- Doanh thu ghi nhận trước khác	3.005.195	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	570.641.559	77.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	51.739.790.000	24.371.790.000	435.820.928	-	2.223.504.905	8.946.409.769	87.717.315.602
Tăng vốn trong năm trước	23.755.120.000	-	-	-	-	-	23.755.120.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	(74.395.277)	(74.395.277)
Tăng khác	-	368.536.122	-	611.414.082	-	-	979.950.204
Giảm vốn trong năm trước	-	(23.755.120.000)	-	-	-	-	(23.755.120.000)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	447.320.488	(8.946.409.769)	(8.499.089.281)
Giảm khác	-	-	-	(611.414.082)	-	-	(611.414.082)
Số dư cuối năm trước / Số dư đầu năm nay	75.494.910.000	985.206.122	435.820.928	-	2.670.825.393	(74.395.277)	79.512.367.166
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	(5.458.969.470)	(5.458.969.470)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	75.494.910.000	985.206.122	435.820.928	-	2.670.825.393	(5.533.364.747)	74.053.397.696

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	75.494.910.000	100	75.494.910.000	100
Cộng	75.494.910.000	100	75.494.910.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.494.910.000	51.739.790.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	23.755.120.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	75.494.910.000	75.494.910.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.549.491	7.549.491
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu phổ thông	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu phổ thông	7.549.491	7.549.491
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.670.825.393	2.670.825.393
- Vốn khác chủ sở hữu	435.820.928	435.820.928
Cộng	3.106.646.321	3.106.646.321

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Xe ô tô (chiếc)	153	-
Ngoại tệ các loại		
- USD	-	115,2

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	753.339.737.578	33.782.963.646
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.041.324.604	28.614.296.964
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.732.873.449	23.734.196.065
Cộng	808.113.935.631	86.131.456.675

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	728.970.989.619	33.084.036.857
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.920.668.047	32.494.909.456
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	10.662.016.065	13.564.088.477
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(645.178.181)	645.178.181
Cộng	775.908.495.550	79.788.212.971

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.586.302.120	50.771.260
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	211.741.605
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	40.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	13.625	1.859.519
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	3.533.191.564
Cộng	1.586.315.745	3.837.563.948

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.770.739.274	1.722.904.244
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	72.055.107	1.200.000.000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	77.587.871	74.100.765
Cộng	1.920.382.252	2.997.005.009

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	76.181.819
- Thu nhập khác từ góp vốn bằng tài sản do đánh giá lại tài sản	-	1.624.193.005
- Tiền bồi thường tai nạn của lái xe tự hành	4.015.900	175.298.000
- Các khoản thu nhập khác	690.632.337	10.350.008
Cộng	694.648.237	1.886.022.832

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.208.801.512	-
- Phạt chậm nộp thuế	281.347.817	109.006.395
- Các khoản bị phạt khác	77.800.000	186.722.000
- Các khoản khác	33.792.340	-
Cộng	3.601.741.669	295.728.395

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	9.605.977.757	6.573.959.325
- Chi phí nhân viên quản lý	6.797.144.897	3.724.047.049
- Chi phí đồ dùng văn phòng	63.103.090	30.073.527
- Chi phí khấu hao TSCĐ	256.736.445	60.822.264
- Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.713.697.418	2.377.199.591
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	767.295.907	378.816.894
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	24.532.686.214	3.122.070.850
- Chi phí nhân viên	9.562.933.773	1.757.478.600
- Chi phí vật liệu, bao bì	8.972.332	3.186.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	58.216.674	143.322.482
- Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh	9.718.374.317	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.426.464.179	1.065.151.929
- Các khoản khác bằng tiền	1.757.724.939	152.931.839
Cộng	34.138.663.971	9.696.030.175

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	23.515.913
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	284.585.641	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	284.585.641	23.515.913

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.458.969.470)	(74.395.277)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.458.969.470)	(74.395.277)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.549.491	7.513.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(723)	(10)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.458.969.470)	(74.395.277)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.458.969.470)	(74.395.277)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.549.491	7.513.644
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(723)	(10)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.517.111.338	9.073.188.730
- Chi phí nhân công	25.108.599.727	15.841.121.222
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.233.459.802	3.733.636.258
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.919.619.148	5.813.284.538
- Chi phí khác bằng tiền	13.295.726.373	17.377.298.103
Cộng	82.074.516.388	51.838.528.851

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	810.427.654	1.035.000.000
Phụ cấp	-	133.200.000
Cộng	810.427.654	1.168.200.000

03. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

- a. Hợp đồng thuê lại mặt bằng số 1007/2019/HĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa Công ty và Công ty CP Trường Hải về việc Công ty thuê 2.215 m2 mặt bằng tại số 68 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 30/7/2019 đến ngày 07/7/2029. Giá thuê trong 5 năm từ ngày 30/7/2019 đến ngày 07/7/2022 là 46.800.000.000 đồng, từ ngày 08/7/2022 đến hết ngày 07/7/2029 giá thuê sẽ được điều chỉnh tăng mỗi năm 01 lần, biên độ giao động không vượt quá 5% đến 10% so với giá thuê năm liền kề trước đó.
- b. Hợp đồng thuê lại mặt bằng số 0108/2019/HDTMB-CENLAND-OTO8 ngày 12/07/2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất Động sản Thế Kỷ về việc Công ty thuê 760,36 m2 mặt bằng tại Tầng 01 và 02, tòa K3, ki ốt dịch vụ thương mại, trung tâm thương mại The K-Park, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 01/08/2019 đến hết ngày 31/07/2024. Đơn giá thuê là 385.028 VNĐ/m2/tháng cố định trong 2 năm đầu của thời hạn thuê và sẽ được điều chỉnh 2 năm một lần, biên độ giao động không vượt quá 10% so với giá thuê năm liền kề trước đó.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hôi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Kinh doanh BDS	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	753.339.737.578	43.041.324.604	11.732.873.449	808.113.935.631
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	762.124.802.820	37.450.089.274	10.806.333.934	810.381.226.028
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(8.785.065.242)	5.591.235.330	926.539.515	(2.267.290.397)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	61.156.682.798	3.798.326.871	-	64.955.009.669
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.673.684.102	290.273.754	435.099.658	5.399.057.514
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	272.106.768.915	11.298.442.441	3.645.317.734	287.050.529.090
- Tài sản không phân bổ				938.334.695
Tổng tài sản	272.106.768.915	11.298.442.441	3.645.317.734	287.988.863.785
- Nợ phải trả bộ phận	202.019.401.295	11.542.179.702	66.683.170	213.628.264.167
- Nợ phải trả không phân bổ				307.201.922
Tổng nợ phải trả	202.019.401.295	11.542.179.702	66.683.170	213.935.466.089

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Kinh doanh BĐS	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33.782.963.646	28.614.296.964	23.734.196.065	86.131.456.675
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	38.758.422.800	34.110.261.576	14.903.946.100	87.772.630.476
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(4.975.459.154)	(5.495.964.612)	8.830.249.965	(1.641.173.801)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.506.277.266	1.275.822.496	1.574.658.761	4.356.758.523
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	48.859.375.718	26.063.875.858	17.455.150.001	92.378.401.577
- Tài sản không phân bổ				8.330.333.364
Tổng tài sản	48.859.375.718	26.063.875.858	17.455.150.001	100.708.734.941
- Nợ phải trả bộ phận	8.190.422.308	6.937.318.425	5.754.175.120	20.881.915.853
- Nợ phải trả không phân bổ				314.451.922
Tổng nợ phải trả	8.190.422.308	6.937.318.425	5.754.175.120	21.196.367.775

Khu vực địa lý:
Phần lớn hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	340.023.331	-	7.654.434.129	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.841.522.601	-	14.703.772.505	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	750.000.000	(151.688.636)	500.000.000	(*)	(*)
Cộng	55.931.545.932	(151.688.636)	22.858.206.634		

Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả cho người bán	204.923.771.342	32.986.800	(*)	(*)	(*)
Vay và nợ	10.000.000	16.345.386.366	(*)	(*)	(*)
Chi phí phải trả	2.697.080.830	-	(*)	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	3.642.460.894	3.017.676.266	(*)	(*)	(*)
Cộng	211.273.313.066	19.396.049.432			

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	204.923.771.342	-	-	204.923.771.342
Chi phí phải trả	10.000.000	-	-	10.000.000
Các khoản phải trả khác	3.642.460.894	-	-	3.642.460.894
Cộng	211.273.313.066	-	-	211.273.313.066
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	32.986.800	-	-	32.986.800
Vay và nợ	14.369.363.636	1.976.022.730	-	16.345.386.366
Các khoản phải trả khác	3.017.676.266	-	-	3.017.676.266
Cộng	17.420.026.702	1.976.022.730	-	19.396.049.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Thị Hải Linh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hải Linh

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Đàm Nghị